TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 26 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; thường trú: số C, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1971; thường trú: số C, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đức S tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và chung sống từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/96, quyển số 01 ngày 27/01/1995. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình ngày càng ngột ngạc, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông S và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông S có 02 người con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 11/8/1997 và Nguyễn Hoài M, sinh ngày 01/9/2005. Các con chung đã đủ 18 tuổi, nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2025 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Đức S trình bày:

Ông S thống nhất với lời trình bày của bà N về việc chung sống, có đăng ký kết hôn và con chung. Ông S cũng thống nhất những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình sống chung của vợ chồng. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N thì ông S đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung, các con đã đủ 18 tuổi nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung thì ông S không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bà N, ông S có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N và ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đức S thống nhất xác định là bà N và ông S chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/96, quyển số 01 ngày 27/01/1995 nên hôn nhân giữa bà N và ông S là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà N có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông S và được ông S đồng ý, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này giữa bà N và ông S, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông S có 02 người con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 11/8/1997 và Nguyễn Hoài M, sinh ngày 01/9/2005. Các con chung đã đủ 18 tuổi và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Đức S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đức S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các con chung giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đức S đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đức S không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008206, ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho bà N số tiền 225.000 đồng (Hai trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Đức S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân